

TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ - VINACOMIN
CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ
BẮC TRUNG BỘ - MICCO

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
- Bảng cân đối kế toán	7 - 8
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	9
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính	11 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco tiền thân là Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - đơn vị thành viên của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ - TKV.

Tại Quyết định số 1016/QĐ – Vinacomin ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco. Sau khi chuyển đổi, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2700669262 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 21 tháng 06 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 06 tháng 03 năm 2017.

2. Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc đã điều hành hoạt động của Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các vị như sau:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
Ông Trịnh Hải Cường	Chủ tịch

Ban Giám đốc:

<u>Họ và tên:</u>	<u>Chức vụ:</u>
- Ông Trần Khắc Hùng	Giám đốc
- Ông Phạm Đỗ Thành	Phó Giám đốc
- Ông Vũ Văn Nam	Phó Giám đốc

3. Trụ sở

Công ty có trụ sở tại: Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

7. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo sổ kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên..

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

8. Ý kiến của Ban Giám đốc

Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ninh Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021

GIÁM ĐỐC



Trần Khắc Hùng

Số: 07/2021/BCKT-PKF.NHN

Hà Nội, ngày 22 tháng 03 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco được lập ngày 22 tháng 03 năm 2021, bao gồm: Bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được trình bày từ trang 7 đến trang 29 kèm theo.

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán này không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mở Bắc Trung Bộ - Micco, được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Chu Quang Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1022-2018-242-1

A blue handwritten signature of Hoàng Văn Anh.

Hoàng Văn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2917-2019-242-1

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ BẮC TRUNG BỘ - MICCO

Địa chỉ: Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.356.017.427	83.319.004.109
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	8.084.713.145	6.872.665.014
Tiền	111		8.084.713.145	6.872.665.014
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		55.170.334.771	52.891.455.321
Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	5.2	55.117.407.857	53.002.026.211
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	136	5.3	132.512.697	288.055.336
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.4	(79.585.783)	(398.626.226)
Hàng tồn kho	140	5.5	15.051.778.432	22.471.080.202
Hàng tồn kho	141		15.051.778.432	22.471.080.202
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.049.191.079	1.083.803.572
Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	24.783.572
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	5.14	1.049.191.079	1.059.020.000
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.971.749.938	2.765.641.446
Tài sản cố định	220		2.208.667.715	2.649.040.940
Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	2.152.017.715	2.592.390.940
- Nguyên giá	222		36.821.150.329	35.979.148.864
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(34.669.132.614)	(33.386.757.924)
Tài sản cố định vô hình	227	5.7	56.650.000	56.650.000
- Nguyên giá	228		533.650.000	533.650.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(477.000.000)	(477.000.000)
Tài sản dở dang dài hạn	240		545.295.406	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.9	545.295.406	-
Tài sản dài hạn khác	260		217.786.817	116.600.506
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	217.786.817	116.600.506
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		82.327.767.365	86.084.645.555

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ BẮC TRUNG BỘ - MICCO

Địa chỉ: Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01 – DN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
NỢ PHẢI TRẢ	300		52.327.767.365	56.084.645.555
Nợ ngắn hạn	310		50.734.053.836	54.745.657.793
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.10	32.367.094.954	33.591.582.521
Người mua trả tiền trước	312	5.11	717.043.705	488.868.850
Thuế và khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	1.837.110.261	3.362.338.065
Phải trả người lao động	314		7.228.288.883	9.807.265.105
Chi phí phải trả	315	5.13	47.272.727	24.727.273
Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.12	594.780.580	469.999.710
Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		7.942.462.726	7.000.876.269
Nợ dài hạn	330		1.593.713.529	1.338.987.762
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		1.593.713.529	1.338.987.762
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn chủ sở hữu	410	5.15	30.000.000.000	30.000.000.000
Vốn góp của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		82.327.767.365	86.084.645.555

Ninh Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Hương

Trần Khắc Hùng

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ BẮC TRUNG BỘ - MICCO

Địa chỉ: Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 02 – DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2020	Năm 2019
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		891.868.372.557	936.588.972.143
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10	6.1	891.868.372.557	936.588.972.143
Giá vốn hàng bán	11	6.2	774.290.755.180	828.676.645.818
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		117.577.617.377	107.912.326.325
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	10.634.680	10.051.350
Chi phí hoạt động tài chính	22	6.4	3.156.210.100	2.519.976.600
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.156.210.100	2.519.976.600
Chi phí bán hàng	25	6.6	79.743.443.413	76.894.759.830
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	26.452.465.411	24.060.514.426
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		8.236.133.133	4.447.126.819
Thu nhập khác	31	6.5	-	2.960.970.000
Lợi nhuận khác	40		-	2.960.970.000
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	45		8.236.133.133	7.408.096.819
Chi phí thuế TNDN hiện hành	50	6.8	1.667.770.627	1.502.273.364
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.568.362.506	5.905.823.455

Ninh Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Hương

Trần Khắc Hùng

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ BẮC TRUNG BỘ - MICCO

Địa chỉ: Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 03 – DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2020	Năm 2019
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	8.236.133.133	7.408.096.819
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	1.227.506.526	1.710.570.033
Các khoản dự phòng	03	(319.040.443)	344.281.826
Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(10.634.680)	(2.971.021.350)
Chi phí lãi vay	06	3.156.210.100	2.519.976.600
Các khoản điều chỉnh khác	07	254.725.767	229.116.396
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	12.544.900.403	9.241.020.324
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.955.897.593)	(9.509.493.612)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	7.419.301.770	(9.105.067.417)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (Không bao gồm lãi vay phải trả và thuế TNDN phải nộp)	11	(6.386.000.797)	16.559.715.953
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(101.186.311)	38.444.408
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.156.210.100)	(2.519.976.600)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.870.672.831)	(1.330.042.239)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.949.087.000)	(4.882.108.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.545.147.541	(1.507.507.583)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(1.343.734.090)	(346.079.802)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	2.960.970.000
Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	10.634.680	10.051.350
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.333.099.410)	2.624.941.548
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ	50	1.212.048.131	1.117.433.965
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	6.872.665.014	5.755.231.049
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.084.713.145	6.872.665.014

Ninh Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC






Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Hương

Trần Khắc Hùng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco tiền thân là Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - đơn vị thành viên của Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ - TKV.

Tại Quyết định số 1016/QĐ – Vinacomin ngày 13 tháng 6 năm 2013 của Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam, Công ty chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Bắc Trung Bộ - Micco. Sau khi chuyển đổi, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 2700669262 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình cấp lần đầu ngày 21 tháng 6 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 6 tháng 3 năm 2017.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính:

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm hóa chất khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: + Sản xuất, kinh doanh (bao gồm cả xuất, nhập khẩu), bảo quản, vận chuyển, sử dụng vật liệu nổ công nghiệp và tiền chất nổ, hóa chất, nguyên vật liệu để sản xuất vật liệu nổ công nghiệp.
Chi tiết: + Tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp;
Chi tiết: + Dữ trữ quốc gia về vật liệu nổ công nghiệp.
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
Chi tiết: + Nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, phát triển công nghệ trong sản xuất, phối chế, thử nghiệm, sử dụng tiền chất nổ và vật liệu nổ công nghiệp.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
Chi tiết: + Dịch vụ khoan, nổ mìn
Chi tiết: + Dịch vụ tư vấn, giám sát ảnh hưởng nổ mìn
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu;
Chi tiết: + Sản xuất cung ứng vật tư kỹ thuật, dây điện, bao bì đóng gói thuốc nổ, vật liệu xây dựng
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác chưa được phân vào đâu;
Chi tiết: + Kinh doanh, cung ứng xăng dầu và vật tư thiết bị
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
Chi tiết: + Kinh doanh hóa chất (trừ các loại hóa chất cấm)
Chi tiết: + Buôn bán phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp:

Công ty có trụ sở tại: Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình.

Công ty có các Chi nhánh như sau:

<u>Đơn vị trực thuộc</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
- Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Hà Nam	Thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam	Kinh doanh vật liệu nổ và dịch vụ nổ mìn
- Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Nghệ An	Thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	Kinh doanh vật liệu nổ và dịch vụ nổ mìn
- Chi nhánh Công nghiệp hóa chất mỏ Hà Tĩnh	Thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh	Kinh doanh vật liệu nổ và dịch vụ nổ mìn

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

3. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN QUAN TRỌNG

Các chính sách kế toán đã được áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này là nhất quán với các chính sách kế toán đã được áp dụng để trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

4.1. Ước tính kế toán

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, yêu cầu Ban Giám đốc Công ty phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn).

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4.3. Nợ phải thu

Các khoản phải thu trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải thu từ khách hàng của Công ty và các khoản phải thu khác cộng với dự phòng nợ phải thu khó đòi. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Khoản phải thu có thời gian thu hồi hoặc thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn;

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc các khoản phải thu mà khách nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự (không bao gồm những khách hàng đã quá hạn trên nhưng đang tiến hành thanh toán hoặc có cam kết thanh toán trong thời gian tới).

4.4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện là giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, CCDC, Bình quân gia quyền hàng hóa

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho các vật tư, hàng hóa tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 02 "Hàng tồn kho" và Thông tư số 48/2019/TT-BTC ngày 08/08/2019 của Bộ Tài chính về hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp.

4.5. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế.

4.5.1 Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử. Các chi phí nâng cấp tài sản cố định hữu hình được vốn hóa, ghi tăng nguyên giá tài sản cố định; các chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định hữu hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ hữu hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12 tháng 04 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định hữu hình của Công ty như sau:

- Nhà cửa vật kiến trúc: 05 - 50 năm
- Máy móc thiết bị: 05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn: 06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý: 03 - 05 năm

4.5.2 Tài sản cố định vô hình

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan đến việc chuẩn bị để đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí nâng cấp tài sản được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cố định; các chi phí khác được tính vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản cố định vô hình đều được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao TSCĐ vô hình được tính theo phương pháp đường thẳng, áp dụng cho tất cả các tài sản theo tỷ lệ được tính toán để phân bổ nguyên giá trong suốt thời gian ước tính sử dụng và phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao tài sản cố định vô hình của Công ty như sau:

- Phần mềm máy tính: 03 - 05 năm

4.6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm giá trị của các tài sản không có đủ tiêu chuẩn là TSCĐ. Chi phí trả trước sẽ được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh trong thời gian hợp lý kể từ khi phát sinh.

4.7. Nợ phải trả

Các khoản phải trả trình bày trong Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ phải trả từ khách hàng của Công ty và các khoản phải trả khác và được chi tiết cho từng đối tượng phải trả. Tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán từ 01 năm trở xuống (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là ngắn hạn;
- Khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 01 năm (hoặc nhiều hơn một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là dài hạn.

4.8. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư ban đầu của Công ty được ghi nhận theo giá trị vốn góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối theo các quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 về đầu tư vốn Nhà nước vào quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp.

4.9. Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

- (i) Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua và hàng hóa đã được giao cho người mua và được chấp nhận của khách hàng.
- (ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích đã được chuyển giao cho khách hàng, dịch vụ đã được cung cấp và được khách hàng chấp nhận.
- (iii) Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi, lãi chênh lệch tỷ giá và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác. Lãi tiền gửi được xác định trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

4.10. Thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

Hàng hoá và dịch vụ do Công ty cung cấp chịu thuế giá trị gia tăng theo mức thuế suất 10%.

Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (TNDN):

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong kỳ, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng trong năm tài chính. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa kế toán thuế và kế toán tài chính cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập hay chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích

Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Các loại thuế khác: theo quy định hiện hành của Việt Nam.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

4.11. Các bên liên quan

Việc trình bày mối quan hệ với các bên liên quan và các giao dịch giữa doanh nghiệp với các bên liên quan được thực hiện theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 26 "Thông tin về các bên liên quan" được ban hành và công bố theo Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư 161/2007/TT-BTC "Hướng dẫn thực hiện mười sáu (16) Chuẩn mực kế toán ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001, Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính" ban hành ngày 31/12/2007, cụ thể:

Các bên liên quan được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các trường hợp được coi là bên liên quan: Các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được gọi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

		31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Tiền mặt tại quỹ	(i)	706.078.411	310.065.628
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	(ii)	7.378.634.734	6.562.599.386
Cộng		8.084.713.145	6.872.665.014
 (i) Số dư tiền mặt tại quỹ tại ngày 31/12/2020 bao gồm:			
		Nguyên tệ	VND
Ngoại tệ			-
Đồng Việt Nam			706.078.411
Cộng			706.078.411
 (ii) Số dư tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn tại ngày 31/12/2020 bao gồm:			
		Nguyên tệ	VND
Đồng Việt Nam			7.378.634.734
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam</i>			2.721.781.050
<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam</i>			2.691.178.933
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam</i>			1.965.674.751
Ngoại tệ			-
Cộng			7.378.634.734

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.2 Phải thu khách hàng

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Phải thu khách hàng ngắn hạn	55.117.407.857	53.002.026.211
Công ty Cổ phần Xi măng Long Thành	12.688.039.857	8.856.592.271
Công ty Cổ phần Xi măng Xuân Thành	7.070.914.227	10.765.369.285
Công ty Cổ phần Thiết bị nặng JUNJIN Việt Nam	1.764.722.174	5.120.570.025
Đối tượng khác	33.593.731.599	28.259.494.630
b. Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	55.117.407.857	53.002.026.211

5.3 Phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Ngắn hạn	132.512.697	-	288.055.336	-
Phải thu người lao động	111.331.641	-	279.204.745	-
Các khoản phải thu khác	21.181.056	-	8.850.591	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	132.512.697	-	288.055.336	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.4 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi;	265.285.943	185.700.160	1.328.754.088	930.127.862
Trên 03 năm	-	-	-	-
Từ 02 năm đến dưới 03 năm	-	-	-	-
Từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	-	-
Từ 06 tháng đến dưới 01 năm	265.285.943	185.700.160	1.328.754.088	930.127.862
Công ty CP Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng Hà Tĩnh	-	-	401.245.772	280.872.040
Công ty CP XD Đại Phúc Quảng Bình	-	-	361.356.738	252.949.717
Xí nghiệp sản xuất VLXD COSEVCO 12	-	-	396.632.690	277.642.883
Công ty CP ĐTXD Bình Minh Hà Nam	-	-	169.518.888	118.663.222
Công ty TNHH XD và TM Quang Long	173.519.023	121.463.316	-	-
Công ty TNHH XDPT CN Việt	91.766.920	64.236.844	-	-
Cộng	265.285.943	185.700.160	1.328.754.088	930.127.862

5.5 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	6.918.158	-	1.853.608	-
Công cụ, dụng cụ	68.079.875	-	87.741.009	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	740.948.388	-	221.227.500	-
Hàng hóa	14.235.832.011	-	22.160.258.085	-
Cộng	15.051.778.432	-	22.471.080.202	-

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ BẮC TRUNG BỘ - MICCO

Địa chỉ: Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc (VND)	Máy móc, thiết bị (VND)	Phương tiện vận tải, truyền dẫn (VND)	Thiết bị, dụng cụ quản lý (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	27.584.469.886	2.764.866.569	5.443.751.719	186.060.690	35.979.148.864
Mua trong năm	-	-	-	-	-
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-	842.001.465	-	842.001.465
Số dư tại ngày 31/12/2020	27.584.469.886	2.764.866.569	6.285.753.184	186.060.690	36.821.150.329
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư tại ngày 01/01/2020	25.502.558.647	2.254.386.868	5.443.751.719	186.060.690	33.386.757.924
Khấu hao trong năm	973.941.516	209.359.932	44.205.078	-	1.227.506.526
Hao mòn trong năm	54.868.164	-	-	-	54.868.164
Số dư tại ngày 31/12/2020	26.531.368.327	2.463.746.800	5.487.956.797	186.060.690	34.669.132.614
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	2.081.911.239	510.479.701	-	-	2.592.390.940
Tại ngày 31/12/2020	1.053.101.559	301.119.769	797.796.387	-	2.152.017.715

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 25.329.444.942 đồng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất (VND)	Phần mềm máy tính (VND)	Tổng cộng (VND)
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	103.000.000	430.650.000	533.650.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	103.000.000	430.650.000	533.650.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	46.350.000	430.650.000	477.000.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	46.350.000	430.650.000	477.000.000
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	56.650.000	-	56.650.000
Tại ngày 31/12/2020	56.650.000	-	56.650.000

5.8. Chi phí trả trước

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	-	-
b. Dài hạn	217.786.817	116.600.506
Bảo hiểm dài hạn	25.729.771	36.740.506
Chi phí trả trước dài hạn khác	192.057.046	79.860.000
Cộng	217.786.817	116.600.506

5.9. Tài sản dài hạn khác

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	545.295.406	-
Đề tài nghiên cứu áp dụng hỗn hợp các hệ thống khai thác để phù hợp với địa hình mỏ Lam Sơn	545.295.406	-
Cộng	545.295.406	-

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MÔ BÁC TRUNG BỘ - MICCO

Địa chỉ: Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 - DN

5.10. Phải trả người bán

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	32.367.094.954	32.367.094.954	33.591.582.521	33.591.582.521
Công ty TNHH LOGISTICS và khai thác mỏ An Thành Phát	3.374.242.616	3.374.242.616	1.096.986.870	1.096.986.870
Công ty TNHH một thành viên 76	6.000.000.000	6.000.000.000	2.699.177.250	2.699.177.250
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - VINACOMIN	8.330.979.927	8.330.979.927	16.330.769.507	16.330.769.507
Đối tượng khác	14.661.872.411	14.661.872.411	13.464.648.894	13.464.648.894
b. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	32.367.094.954	32.367.094.954	33.591.582.521	33.591.582.521

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

5.11. Người mua trả tiền trước

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	717.043.705	488.868.850
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Tự Lập	-	53.913.596
Công ty CP Khai thác Chế biến đá Minh Sơn	-	73.640.000
Công ty TNHH Toàn Thành	-	119.113.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Thịnh Trường	94.122.050	-
Công ty TNHH INVECON Quý Hợp	180.094.876	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	102.289.000	-
Khách hàng khác	340.537.779	242.201.754
b. Dài hạn	-	-
Cộng	717.043.705	488.868.850

5.12. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	594.780.580	469.999.710
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - VINACOMIN	270.000.000	387.333.333
Quý VH TT	140.821.583	-
Các khoản khác	183.958.997	82.666.377
b. Dài hạn	-	-
Cộng	594.780.580	469.999.710

5.13. Chi phí phải trả

	31/12/2020 (VND)	01/01/2020 (VND)
a. Ngắn hạn	47.272.727	24.727.273
Trích trước chi phí kiểm toán	47.272.727	24.727.273
b. Dài hạn	-	-
Cộng	47.272.727	24.727.273

CÔNG TY TNHH MTV CÔNG NGHIỆP HÓA CHẤT MỎ BẮC TRUNG BỘ - MICCO

Địa chỉ: Tổ 16, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp, tỉnh Ninh Bình

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 09 – DN

5.14. Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp Nhà nước

	01/01/2020 (VND)	Số phải nộp trong kỳ (VND)	Số đã nộp trong kỳ (VND)	31/12/2020 (VND)
a. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.806.802.340	12.448.777.556	13.720.801.276	1.534.778.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	172.231.125	1.667.770.627	1.840.001.752	-
Thuế thu nhập cá nhân	383.304.600	942.537.576	1.023.510.535	302.331.641
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	709.060.774	709.060.774	-
Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp	-	27.646.066	27.646.066	-
Cộng	3.362.338.065	15.801.792.599	17.327.020.403	1.837.110.261
b. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	30.671.079	30.671.079
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	1.059.020.000	749.560.774	709.060.774	1.018.520.000
Cộng	1.059.020.000	749.560.774	739.731.853	1.049.191.079

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Theo đó, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

5.15. Vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu		
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (VND)	LNST chưa phân phối (VND)	Tổng cộng (VND)
Số dư tại ngày 01/01/2019	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	5.905.823.455	5.905.823.455
Phân phối lợi nhuận	-	(5.905.823.455)	(5.905.823.455)
Số dư tại ngày 01/01/2020	30.000.000.000	-	30.000.000.000
Tăng vốn trong năm	-	-	-
Lãi/ lỗ trong năm	-	6.568.362.506	6.568.362.506
Phân phối lợi nhuận	-	(6.568.362.506)	(6.568.362.506)
Số dư tại ngày 31/12/2020	30.000.000.000	-	30.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	891.868.372.557	936.588.972.143
Doanh thu bán hàng	642.906.354.006	700.709.116.725
Doanh thu cung cấp dịch vụ	248.962.018.551	235.879.855.418

6.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Giá vốn hàng bán	530.064.473.441	594.430.657.914
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	244.226.281.739	234.245.987.904
Cộng	774.290.755.180	828.676.645.818

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền gửi	10.634.680	10.051.350
Cộng	10.634.680	10.051.350

6.4 Chi phí tài chính

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Lãi tiền vay	3.156.210.100	2.519.976.600
Cộng	3.156.210.100	2.519.976.600

6.5 Thu nhập khác

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thu nhập từ nhượng bán thanh lý TSCĐ	-	2.960.970.000
Các khoản khác	-	-
Cộng	-	2.960.970.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

6.6 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
a. Các khoản chi phí bán hàng	79.743.443.413	76.894.759.830
Chi phí nhân viên	35.778.049.263	27.224.989.467
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.489.254.782	3.320.529.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	538.506.530	1.239.129.175
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.488.269.904	23.049.406.854
Chi phí khác bằng tiền	22.449.362.934	22.060.705.035
b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	26.452.465.411	24.060.514.426
Chi phí nhân viên	3.513.708.874	11.736.092.471
Chi phí dự phòng	(790.798.293)	344.281.826
Chi phí vật liệu	397.668.807	369.551.687
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.740.770.990	5.580.545.413
Chi phí khác bằng tiền	13.591.115.033	6.030.043.029
Cộng	106.195.908.824	100.955.274.256

6.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
a. Chi phí sản xuất, KD theo yếu tố	354.098.121.551	338.048.894.260
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	162.534.693.508	163.561.153.741
Chi phí nhân công	68.667.549.527	66.160.247.290
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.227.506.526	1.710.570.033
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.857.252.282	69.381.584.854
Chi phí khác bằng tiền	45.811.119.708	37.235.338.342
b. Các khoản ghi giảm chi phí	-	-
Cộng	354.098.121.551	338.048.894.260

6.8 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Tổng lợi nhuận trước kế toán trước thuế	8.236.133.133	7.408.096.819
Các khoản điều chỉnh tăng	102.720.000	103.270.000
+ Chi phí không được trừ	102.720.000	103.270.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành	8.338.853.133	7.511.366.819
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.667.770.627	1.502.273.364

7 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

7.1 Thông tin về các bên có liên quan

Các bên liên quan:

Các bên được coi là bên liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Thu nhập của Ban lãnh đạo trong năm tài chính được bắt đầu từ ngày 01/01/2020 và kết thúc vào ngày 31/12/2020:

	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thu nhập của Chủ tịch Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc	1.703.000.000	1.456.200.000

Số dư tại ngày 31/12/2020 và các giao dịch với các bên liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2020 được thể hiện tại các phụ biểu đính kèm, cụ thể như sau:

Các giao dịch với các bên liên quan phát sinh trong kỳ:

	Đơn vị tính: VND
<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2020</u>
Mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan	
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	657.098.338.461
Công ty Hóa chất mỏ Thái Bình – MICCO	7.095.000
Công ty Vật tư hóa chất mỏ Hà Nội - Chi nhánh Tổng Công ty CN HCM – Vinacomin	2.278.117.600
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Hóa chất mỏ Nam Bộ - Micco	41.905.200.918
Doanh thu bán hàng hóa cho các bên liên quan	
Trung tâm vật liệu nổ Công nghiệp	1.849.791.335
Công ty Vật tư hóa chất mỏ Hà Nội	38.401.729.960
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	12.787.251.455
Công ty TNHH MTV công nghiệp Hóa chất mỏ Việt Bắc – Micco	241.963.578.174
Công ty Hóa chất mỏ Tây Bắc – MICCO	36.784.000
Công ty Hóa chất mỏ Thái Nguyên – MICCO	11.000.000
Lãi sử dụng vốn	
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	3.156.210.100

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

Số dư với các bên liên quan:

	Mối quan hệ	Đơn vị tính: VND	
		31/12/2020	01/01/2020
Phải trả người bán			
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Công ty mẹ	8.330.979.927	16.330.769.507
Phải trả khác			
Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ - Vinacomin	Công ty mẹ	270.000.000	387.333.333

7.2 Thông tin so sánh

Số liệu được dùng để so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH PKF Việt Nam.

Ninh Bình, ngày 22 tháng 03 năm 2021

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Hằng

Đặng Thị Hương

Trần Khắc Hùng